CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỢP ĐỒNG THUÊ CĂN HỘ CHUNG CƯ

Số: …/HĐTCHC/2026

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;
- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nhu cầu và sự tự nguyện thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày … tháng … năm …, tại …, chúng tôi gồm:

ĐIỀU 1. THÔNG TIN CÁC BÊN

1.1. BÊN CHO THUÊ (BÊN A)

- Họ và tên: …
- Ngày sinh: …
- CCCD/Hộ chiếu số: …
- Ngày cấp: … / Nơi cấp: …
- Địa chỉ thường trú: …
- Số điện thoại: …
- Email: …
- Tài khoản ngân hàng: …

Nếu căn hộ thuộc sở hữu chung, các đồng chủ sở hữu cùng ký hợp đồng hoặc có văn bản ủy quyền hợp pháp.

1.2. BÊN THUÊ (BÊN B)

- Họ và tên/Tên doanh nghiệp: …
- Ngày sinh/Mã số doanh nghiệp: …
- CCCD/Hộ chiếu số: …
- Địa chỉ thường trú/trụ sở: …
- Số điện thoại: …
- Email: …
- Người đại diện (nếu là tổ chức): …
- Chức vụ: …

1.3. NGƯỜI CÙNG CƯ TRÚ

Những người được phép cùng cư trú tại căn hộ:

STT	Họ và tên	CCCD/Hộ chiếu	Quan hệ
1	…	…	…
2	…	…	…
3	…	…	…

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A khi có thay đổi người cư trú và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 2. ĐỐI TƯỢNG THUÊ

2.1. Thông tin căn hộ

Bên A đồng ý cho Bên B thuê căn hộ với thông tin như sau:

- Tên chung cư: …
- Địa chỉ: …
- Tòa nhà/tháp: …
- Tầng: …
- Số căn hộ: …
- Diện tích sử dụng: … m².
- Số phòng ngủ: …
- Số phòng vệ sinh: …
- Tình trạng nội thất: Có nội thất/Không nội thất/Một phần.
- Mã căn hộ (nếu có): …

Thông tin pháp lý căn hộ:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số: …
- Chủ sở hữu: …
- Thông tin khác có liên quan: …

2.2. Tài sản và trang thiết bị

Căn hộ được bàn giao kèm các tài sản, trang thiết bị theo **Phụ lục 01 – Biên bản bàn giao căn hộ và danh mục tài sản**.

Phụ lục ghi rõ tình trạng, số lượng và hình ảnh tài sản tại thời điểm bàn giao.

2.3. Mục đích thuê

Bên B thuê căn hộ để:

□ Làm nơi ở.

□ Làm nơi ở kết hợp làm việc từ xa, không tiếp khách hoặc tổ chức hoạt động kinh doanh tại căn hộ.

□ Mục đích khác được pháp luật cho phép: …

Không được sử dụng căn hộ làm địa điểm kinh doanh, lưu trú ngắn ngày, cho thuê lại hoặc sử dụng vào mục đích khác nếu chưa được Bên A đồng ý bằng văn bản và đáp ứng đầy đủ điều kiện pháp luật, nội quy chung cư.

ĐIỀU 3. THỜI HẠN THUÊ VÀ BÀN GIAO

3.1. Thời hạn thuê

Thời hạn thuê là … tháng, từ ngày …/…/… đến hết ngày …/…/…

3.2. Thời điểm bàn giao

- Ngày bàn giao: …/…/…
- Thời gian nhận bàn giao: …
- Ngày bắt đầu tính tiền thuê: …/…/…

Nếu có thời gian miễn tiền thuê, thời gian đó là … ngày, từ ngày … đến ngày …

3.3. Gia hạn hợp đồng

Bên B có nhu cầu gia hạn phải thông báo cho Bên A trước ít nhất … ngày so với ngày hết hạn.

Việc gia hạn chỉ có hiệu lực khi Các Bên thống nhất bằng văn bản về thời hạn, giá thuê và các điều kiện liên quan.

Nếu không có thỏa thuận gia hạn, Bên B có trách nhiệm bàn giao căn hộ khi hết thời hạn thuê.

ĐIỀU 4. GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá thuê

Giá thuê căn hộ là:

… VNĐ/tháng

Bằng chữ: …

Giá thuê:

□ Đã bao gồm phí quản lý chung cư.

□ Chưa bao gồm phí quản lý chung cư.

□ Bao gồm các khoản khác: …

Giá thuê không bao gồm điện, nước, internet, phí gửi xe và các chi phí sử dụng riêng, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

4.2. Kỳ thanh toán

- Chu kỳ thanh toán: … tháng/lần.
- Thời hạn thanh toán: Ngày … của kỳ thanh toán.
- Hình thức: Chuyển khoản/Tiền mặt.
- Tài khoản nhận tiền: …
- Chủ tài khoản: …

Bên A có trách nhiệm xác nhận việc nhận tiền thuê theo yêu cầu hợp lý của Bên B.

4.3. Điều chỉnh giá thuê

Giá thuê được giữ ổn định trong thời gian … tháng đầu tiên.

Sau thời gian này, việc điều chỉnh giá thuê được thực hiện theo nguyên tắc:

- Chu kỳ điều chỉnh: …
- Mức điều chỉnh tối đa: …%.
- Thời gian thông báo trước: … ngày.

Mọi thay đổi giá thuê phải được Các Bên thống nhất bằng văn bản.

4.4. Chậm thanh toán

Nếu Bên B chậm thanh toán, Bên A thông báo bằng văn bản và dành thời hạn … ngày để Bên B khắc phục.

Nếu hết thời hạn khắc phục mà Bên B vẫn không thanh toán, Bên A có quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo hợp đồng và pháp luật.

Lãi chậm trả (nếu có): …, trong giới hạn pháp luật cho phép.

ĐIỀU 5. TIỀN ĐẶT CỌC

5.1. Số tiền đặt cọc

Bên B đặt cọc cho Bên A số tiền:

… VNĐ

Bằng chữ: …

Tiền đặt cọc nhằm bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo hợp đồng.

5.2. Thời điểm thanh toán tiền cọc

Bên B thanh toán tiền đặt cọc vào ngày …/…/…

Bên A xác nhận đã nhận tiền cọc bằng chứng từ hoặc văn bản xác nhận.

5.3. Xử lý tiền đặt cọc

Tiền đặt cọc được hoàn trả sau khi:

- Hợp đồng chấm dứt hợp pháp.

- Bên B bàn giao căn hộ và tài sản.
- Các Bên đối chiếu, xác nhận công nợ.
- Bên B hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Bên A được khấu trừ các khoản tiền thuê còn nợ, chi phí sử dụng còn nợ và thiệt hại thực tế thuộc trách nhiệm của Bên B, trên cơ sở có căn cứ.

Bên A phải cung cấp bảng đối chiếu các khoản khấu trừ.

Thời hạn hoàn trả tiền cọc: Trong vòng … ngày kể từ ngày hoàn tất bàn giao và đối chiếu công nợ.

5.4. Vi phạm liên quan đến tiền cọc

Việc xử lý tiền đặt cọc khi một bên vi phạm hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận cụ thể tại hợp đồng này và quy định pháp luật.

Không mặc nhiên áp dụng việc mất toàn bộ tiền cọc nếu không có căn cứ hợp đồng hoặc pháp luật phù hợp.

ĐIỀU 6. CHI PHÍ SỬ DỤNG CĂN HỘ

Các khoản chi phí được phân định như sau:

Khoản chi	Bên chịu trách nhiệm
Tiền thuê căn hộ	Bên B
Điện sinh hoạt	Bên B
Nước sinh hoạt	Bên B
Internet/truyền hình	Bên B
Phí gửi xe	Bên B
Phí quản lý chung cư	…
Phí vệ sinh, dịch vụ riêng	…
Thuế, nghĩa vụ tài chính của bên cho thuê	Bên có nghĩa vụ theo pháp luật
Chi phí sửa chữa kết cấu thuộc trách nhiệm chủ sở hữu	Bên A
Hư hỏng do lỗi của Bên B	Bên B

6.1. Cách tính chi phí

Các khoản phí điện, nước, dịch vụ được tính theo hóa đơn, chỉ số đồng hồ hoặc biểu phí hợp pháp của đơn vị cung cấp.

Bên A không được tự ý thu thêm các khoản ngoài thỏa thuận nếu không có căn cứ và sự thống nhất hợp lệ.

6.2. Thanh toán chi phí

Bên chịu trách nhiệm thanh toán phải hoàn thành trong thời hạn … ngày kể từ ngày nhận thông báo hoặc hóa đơn.

Các Bên có trách nhiệm phối hợp đối chiếu chi phí khi kết thúc hợp đồng.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

7.1. Quyền của Bên A

a) Nhận tiền thuê và các khoản thanh toán theo hợp đồng.

b) Yêu cầu Bên B sử dụng căn hộ đúng mục đích.

c) Kiểm tra tình trạng căn hộ theo điều kiện đã thỏa thuận.

d) Yêu cầu Bên B khắc phục hư hỏng do lỗi của Bên B gây ra.

e) Yêu cầu chấm dứt hợp đồng khi có căn cứ theo hợp đồng và pháp luật.

7.2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Bàn giao căn hộ đúng thời hạn, diện tích và hiện trạng đã thỏa thuận.

b) Bảo đảm quyền sử dụng căn hộ ổn định, hợp pháp cho Bên B trong thời hạn thuê.

c) Cung cấp thông tin trung thực về tình trạng pháp lý căn hộ và các hạn chế sử dụng mà Bên A biết hoặc phải biết.

d) Thực hiện sửa chữa các hư hỏng thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu, trừ trường hợp do lỗi của Bên B.

e) Phối hợp cung cấp hồ sơ cần thiết để Bên B thực hiện thủ tục cư trú theo quy định.

f) Không tự ý vào căn hộ khi chưa có sự đồng ý của Bên B, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc trường hợp pháp luật cho phép.

g) Không tự ý khóa cửa, chiếm giữ tài sản hoặc cản trở trái pháp luật quyền sử dụng căn hộ của Bên B.

h) Hoàn trả tiền đặt cọc theo đúng thỏa thuận.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

8.1. Quyền của Bên B

a) Nhận căn hộ và tài sản theo đúng thỏa thuận.

b) Sử dụng căn hộ ổn định trong thời hạn thuê.

c) Yêu cầu Bên A sửa chữa hư hỏng thuộc trách nhiệm của Bên A.

d) Được sử dụng các tiện ích chung theo nội quy chung cư.

e) Được yêu cầu hoàn trả tiền đặt cọc khi đáp ứng các điều kiện theo hợp đồng.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền thuê và các khoản phí thuộc trách nhiệm của mình.

b) Sử dụng căn hộ đúng mục đích.

c) Bảo quản căn hộ, tài sản và trang thiết bị được bàn giao.

d) Tuân thủ nội quy chung cư và quy định pháp luật.

e) Không gây tiếng ồn, mất vệ sinh, mất an toàn hoặc ảnh hưởng bất hợp lý đến các căn hộ khác.

f) Không tự ý cải tạo, đục phá kết cấu hoặc thay đổi hệ thống kỹ thuật.

g) Không cho thuê lại hoặc chuyển giao quyền sử dụng căn hộ trái thỏa thuận.

h) Thông báo kịp thời cho Bên A khi xảy ra sự cố, hư hỏng hoặc nguy cơ thiệt hại.

i) Bàn giao lại căn hộ khi hợp đồng chấm dứt.

ĐIỀU 9. NỘI QUY CHUNG CƯ VÀ AN TOÀN

9.1. Tuân thủ nội quy

Bên B cam kết tuân thủ nội quy quản lý, sử dụng nhà chung cư, bao gồm các quy định về:

- An ninh, trật tự.
- Phòng cháy, chữa cháy.
- Vệ sinh môi trường.
- Sử dụng thang máy và khu vực chung.
- Đỗ xe và sử dụng tiện ích.
- Tiếng ồn và sinh hoạt cộng đồng.

Bên A có trách nhiệm cung cấp hoặc hướng dẫn Bên B tiếp cận nội quy chung cư hiện hành.

9.2. Hành vi bị nghiêm cấm

Bên B không được:

a) Sử dụng căn hộ cho mục đích trái pháp luật.

b) Tàng trữ vật liệu nguy hiểm trái quy định.

c) Tự ý thay đổi kết cấu chịu lực hoặc hệ thống kỹ thuật chung.

d) Gây mất an toàn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cư dân khác.

e) Sử dụng căn hộ cho hoạt động lưu trú hoặc kinh doanh không được phép.

9.3. Trách nhiệm khi vi phạm nội quy

Bên gây ra vi phạm phải chịu trách nhiệm đối với khoản phạt, chi phí khắc phục và thiệt hại thực tế thuộc trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật và nội quy hợp lệ.

ĐIỀU 10. ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ

10.1. Trách nhiệm của Bên B

Bên B thực hiện thủ tục đăng ký tạm trú hoặc các thủ tục cư trú khác theo quy định pháp luật.

Bên B cung cấp thông tin chính xác của người cư trú và thông báo khi có thay đổi.

10.2. Trách nhiệm của Bên A

Bên A phối hợp cung cấp giấy tờ, thông tin về căn hộ và xác nhận cần thiết trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Việc phối hợp không thay thế trách nhiệm đăng ký cư trú của người có nghĩa vụ theo pháp luật.

10.3. Chi phí

Chi phí phát sinh từ thủ tục cư trú được thực hiện theo quy định pháp luật và thỏa thuận của Các Bên.

ĐIỀU 11. SỬA CHỮA VÀ CẢI TẠO CĂN HỘ

11.1. Sửa chữa thuộc trách nhiệm Bên A

Bên A chịu trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng thuộc kết cấu, hệ thống kỹ thuật hoặc các bộ phận của căn hộ mà Bên A có nghĩa vụ bảo đảm sử dụng bình thường, trừ trường hợp hư hỏng do lỗi của Bên B.

Bên A thực hiện sửa chữa trong thời hạn hợp lý kể từ khi nhận được thông báo.

11.2. Sửa chữa thuộc trách nhiệm Bên B

Bên B chịu trách nhiệm đối với hư hỏng do mình, người cùng cư trú, khách hoặc người do mình thuê gây ra.

Bên B không phải chịu trách nhiệm đối với hao mòn tự nhiên phát sinh từ việc sử dụng căn hộ đúng mục đích.

11.3. Cải tạo

Bên B không được tự ý:

- Đập phá hoặc thay đổi kết cấu căn hộ.
- Thay đổi hệ thống điện, nước, gas hoặc thiết bị kỹ thuật chung.
- Thay đổi cửa, mặt ngoài hoặc các bộ phận ảnh hưởng đến kiến trúc chung.
- Thực hiện hạng mục cần chấp thuận mà chưa có chấp thuận hợp lệ.

Các hạng mục cải tạo khác phải được Bên A đồng ý bằng văn bản và đáp ứng quy định pháp luật, nội quy chung cư.

11.4. Chi phí cải tạo

Chi phí cải tạo do … chịu trách nhiệm.

Việc hoàn trả chi phí cải tạo khi kết thúc hợp đồng chỉ được thực hiện nếu có thỏa thuận cụ thể bằng văn bản.

ĐIỀU 12. KIỂM TRA VÀ TIẾP CẬN CĂN HỘ

12.1. Kiểm tra định kỳ

Bên A có quyền kiểm tra tình trạng căn hộ khi có lý do hợp lý, với điều kiện:

- Thông báo trước ít nhất … giờ.
- Thống nhất thời gian với Bên B.
- Không gây cản trở bất hợp lý đến sinh hoạt của Bên B.

12.2. Trường hợp khẩn cấp

Trong trường hợp có nguy cơ cháy, nổ, ngập nước, rò rỉ khí hoặc nguy hiểm nghiêm trọng khác, Bên A được phối hợp với ban quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền để tiếp cận căn hộ theo quy định và trong phạm vi cần thiết nhằm ngăn ngừa thiệt hại.

Bên A thông báo cho Bên B sớm nhất có thể.

12.3. Xem căn hộ khi sắp hết hạn

Trong … ngày trước khi hợp đồng hết hạn, Bên B tạo điều kiện để Bên A giới thiệu căn hộ cho người thuê mới hoặc người có nhu cầu mua, với điều kiện thông báo trước và thống nhất thời gian.

ĐIỀU 13. CHUYỂN GIAO VÀ CHO THUÊ LẠI

13.1. Nguyên tắc

Bên B không được chuyển giao hợp đồng, cho thuê lại hoặc chuyển quyền sử dụng căn hộ cho bên thứ ba nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, trừ trường hợp pháp luật hoặc hợp đồng có quy định khác.

13.2. Người cùng cư trú

Việc cho người khác cùng cư trú không mặc nhiên được xem là cho thuê lại, nhưng phải phù hợp với mục đích thuê, số người cư trú hợp lý, nội quy chung cư và quy định pháp luật.

Bên B thông báo cho Bên A khi có thay đổi đáng kể về người cư trú.

13.3. Trách nhiệm

Bên B vẫn chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ hợp đồng của mình, trừ khi Các Bên có thỏa thuận chuyển giao hợp lệ.

ĐIỀU 14. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

14.1. Các trường hợp chấm dứt

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp:

a) Hết thời hạn thuê mà không gia hạn.

b) Các Bên thỏa thuận chấm dứt bằng văn bản.

c) Một bên đơn phương chấm dứt theo hợp đồng và pháp luật.

d) Căn hộ không còn đủ điều kiện pháp lý để tiếp tục sử dụng theo mục đích thuê.

e) Căn hộ bị phá dỡ, thu hồi hoặc xảy ra sự kiện khiến mục đích thuê không thể thực hiện theo quy định pháp luật.

f) Các trường hợp khác theo pháp luật.

14.2. Bên B chấm dứt trước hạn

Bên B có quyền đề nghị chấm dứt trước hạn bằng cách thông báo cho Bên A trước ít nhất … ngày.

Việc chấm dứt trước hạn được xử lý như sau:

- Tiền thuê được đối chiếu đến ngày chấm dứt.
- Tiền đặt cọc được xử lý theo Điều 5.
- Khoản bồi thường hoặc phí chấm dứt trước hạn (nếu có): …
- Bên B bàn giao căn hộ theo Điều 15.

Nếu Bên A vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và không khắc phục trong thời hạn hợp lý sau khi được thông báo, Bên B có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng và xử lý quyền lợi theo pháp luật.

14.3. Bên A chấm dứt trước hạn

Bên A chỉ được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi có căn cứ theo hợp đồng hoặc pháp luật.

Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ, Bên A phải thông báo vi phạm và dành thời hạn … ngày để khắc phục, trừ trường hợp pháp luật cho phép chấm dứt ngay.

Nếu Bên A chấm dứt trái hợp đồng, Bên B có quyền yêu cầu hoàn trả các khoản tiền thuộc quyền được hoàn trả và bồi thường thiệt hại thực tế theo quy định pháp luật.

14.4. Thông báo chấm dứt

Thông báo chấm dứt phải được gửi bằng văn bản, email hoặc phương thức khác được Các Bên thống nhất, với nội dung:

- Lý do chấm dứt.
- Ngày chấm dứt dự kiến.
- Nghĩa vụ cần hoàn thành.
- Thời gian bàn giao.
- Phương án đối chiếu công nợ và tiền đặt cọc.

ĐIỀU 15. BÀN GIAO CĂN HỘ KHI KẾT THÚC THUÊ

15.1. Nghĩa vụ bàn giao

Khi hợp đồng chấm dứt, Bên B có trách nhiệm:

a) Di chuyển tài sản cá nhân ra khỏi căn hộ.

b) Bàn giao chìa khóa, thẻ ra vào và các thiết bị được giao.

c) Thanh toán các khoản chi phí thuộc trách nhiệm của mình.

d) Bàn giao căn hộ trong tình trạng phù hợp với hiện trạng nhận bàn giao, có tính đến hao mòn tự nhiên.

15.2. Biên bản bàn giao

Các Bên lập biên bản bàn giao cuối kỳ, ghi nhận:

- Ngày, giờ bàn giao.
- Hiện trạng căn hộ.
- Tình trạng trang thiết bị.
- Chỉ số điện, nước.
- Số lượng chìa khóa, thẻ ra vào.
- Các khoản công nợ.
- Các hư hỏng cần xử lý (nếu có).

15.3. Tài sản bị bỏ lại

Nếu Bên B để lại tài sản sau khi hợp đồng chấm dứt, Bên A thông báo cho Bên B đến nhận trong thời hạn … ngày.

Việc xử lý tài sản phải tuân thủ pháp luật và không mặc nhiên cho phép Bên A tự ý chiếm giữ hoặc tiêu hủy tài sản của Bên B.

ĐIỀU 16. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng được xác định theo quy định pháp luật và điều kiện cụ thể được Các Bên thống nhất.

Bên bị ảnh hưởng phải:

a) Thông báo cho bên còn lại trong thời gian sớm nhất.

b) Cung cấp thông tin hợp lý về sự kiện và mức độ ảnh hưởng.

c) Áp dụng biện pháp cần thiết để hạn chế thiệt hại.

Nếu căn hộ không thể sử dụng trong thời gian dài do sự kiện bất khả kháng, Các Bên thương lượng việc tạm ngừng, giảm tiền thuê hoặc chấm dứt hợp đồng theo pháp luật.

ĐIỀU 17. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng trước hết được giải quyết thông qua thương lượng trong thời hạn … ngày kể từ ngày một bên gửi thông báo tranh chấp.

Nếu không đạt được thỏa thuận, mỗi bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.

Luật áp dụng là pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

18.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày …/…/… hoặc từ thời điểm Các Bên ký, theo thỏa thuận.

18.2. Các Bên cam kết thông tin cung cấp trong hợp đồng là trung thực và chịu trách nhiệm về thông tin của mình.

18.3. Mọi sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản và có xác nhận hợp lệ của Các Bên.

18.4. Các phụ lục và biên bản bàn giao là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

18.5. Nếu một điều khoản bị xác định là vô hiệu, các điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực trong phạm vi pháp luật cho phép.

18.6. Hợp đồng được lập thành … bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ … bản, Bên B giữ … bản.

ĐẠI DIỆN CÁC BÊN KÝ TÊN

BÊN A – BÊN CHO THUÊ	BÊN B – BÊN THUÊ

Ký, ghi rõ họ tên	Ký, ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC 01

BIÊN BẢN BÀN GIAO CĂN HỘ VÀ DANH MỤC TÀI SẢN

Hôm nay, ngày … tháng … năm …, tại căn hộ …

Bên A và Bên B xác nhận bàn giao căn hộ với hiện trạng như sau:

Hạng mục	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
Chìa khóa căn hộ	…	…	…
Thẻ ra vào	…	…	…
Điều hòa	…	…	…
Tủ lạnh	…	…	…
Máy giặt	…	…	…
Giường	…	…	…
Tủ quần áo	…	…	…
Bàn ghế	…	…	…
Thiết bị bếp	…	…	…
Thiết bị vệ sinh	…	…	…
Tài sản khác	…	…	…

Chỉ số điện: …
Chỉ số nước: …

Hình ảnh hiện trạng đính kèm: Có/Không.

Bên A xác nhận đã bàn giao và Bên B xác nhận đã nhận căn hộ, tài sản theo nội dung trên.

BÊN A: … BÊN B: …

PHỤ LỤC 02

BẢNG CHI PHÍ VÀ THANH TOÁN

Khoản mục	Số tiền/đơn giá	Bên thanh toán	Thời hạn
Tiền thuê	…	…	…
Tiền đặt cọc	…	…	…
Phí quản lý	…	…	…
Điện	Theo hóa đơn	…	…
Nước	Theo hóa đơn	…	…
Internet	…	…	…
Gửi xe	…	…	…
Phí khác	…	…	…

PHỤ LỤC 03

THỎA THUẬN RIÊNG (NẾU CÓ)

Các Bên thống nhất bổ sung những nội dung sau:

1. _____

2. _____

3. _____

Phụ lục này là bộ phận không tách rời của hợp đồng và có hiệu lực theo thỏa thuận của Các Bên.

BÊN A: _____

BÊN B: _____